

Phụ lục II
DỰ KIẾN NHU CẦU KINH PHÍ TRIỂN KHAI CHIẾN DỊCH TIÊM CHỦNG VẮC-XIN
PHÒNG CHỐNG DỊCH SỞI NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /3/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	Bông, cùn, túi đựng rác thải y tế (42.442 đôi tượng x 500đ/đôi tượng)	Đôi tượng	500	42.442	21.221.000
2	In phiếu khám sàng lọc, giấy mời (42.442 đôi tượng x 2 tờ x 500đ/đôi tượng)	Tờ	500	84.884	42.442.000
3	Điều tra, lập danh sách đôi tượng (2 người/xã x 3 ngày x 180 xã)	Ngày	150.000	1.080	162.000.000
4	Hỗ trợ công tác viên điều tra, phát giấy mời và hỗ trợ cán bộ Y tế xã trong buổi tiêm chủng (1 người x 2 ngày x 2.199 thôn/buôn)	Ngày	100.000	4.398	439.800.000
5	Truyền thông, băng rôn, khẩu hiệu tại xã và phát thanh (180 xã)	Xã	3.000.000	180	540.000.000
6	Truyền thông, băng rôn, khẩu hiệu tại huyện và phát thanh (15 huyện)	Huyện	3.000.000	15	45.000.000
7	Hỗ trợ công tiêm cho cán bộ y tế xã (42.442 đôi tượng)	Mũi tiêm	2.000	42.442	84.884.000
8	Nước uống và đường để pha với nước (200.000đ/xã x 180 xã)	Xã	200.000	180	36.000.000
9	In sao biểu mẫu thông kê, báo cáo tuyên xã	Xã	500.000	180	90.000.000
10	Kiểm tra, giám sát trước, trong và sau chiến dịch cho tuyến tỉnh	Huyện	2.000.000	15	30.000.000
11	Kiểm tra, giám sát trước, trong và sau chiến dịch cho tuyến huyện	Huyện	7.000.000	15	105.000.000
12	Đội cấp cứu lưu động của tuyến huyện thường trực tại các điểm tiêm chủng	Huyện	7.000.000	15	105.000.000
13	Trực ngoài giờ, thống kê báo cáo cho cán bộ tỉnh (2 giờ/ngày x 2 người x 20 ngày)	Giờ	100.000	120	12.000.000
14	Trực ngoài giờ, thống kê báo cáo cho cán bộ huyện (2 giờ/ngày x 20 ngày x 15 huyện)	Giờ	100.000	600	60.000.000
15	Bơm kim tiêm pha hồi chỉnh (5ml)	Cái	1.000	4.670	4.670.000
16	Bơm kim tiêm (0.5ml)	Cái	2.000	42.442	84.884.000
17	Hộp an toàn (5 lít)	Cái	15.000	930	13.950.000
Tổng cộng					1.876.851.000

(Bằng chữ: Một tỷ tám trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm năm mươi một nghìn đồng).